

Số: 1923 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 07 tháng 11 năm 2024

V/v: Cung cấp báo giá thiết bị, công cụ,
dụng cụ phân tích than cho Phòng thí nghiệm.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm thiết bị, công cụ, dụng cụ phân tích than cho Phòng thí nghiệm. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hóa tương tự, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục vật tư như đính kèm;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không muộn hơn 6 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 15h00 ngày 15/11/2024.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Nguyễn Văn Kỳ Thanh, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0978.107.284; Email: thanhnvk@pvpgb.vn;

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (N.V.K.T: 1 b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc mua sắm hàng hóa.

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Phụ lục: Phạm vi công việc mua sắm bổ sung thiết bị, công cụ, dụng cụ phân tích than cho Phòng thí nghiệm
(Đính kèm Công văn số: 1923 /NMNĐTB2-KTATMT, ngày 07 tháng 11 năm 2024)

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
1	Máy chia mẫu quay	*Thông số kỹ thuật: Máy chia mẫu quay là bộ máy phân chia động lực sau khi mô phỏng phân chia thủ công, dùng để phân chia đều mẫu than trong phòng thí nghiệm; Bộ cấp liệu rung để đảm bảo nguyên liệu cấp đều; Tốc độ quay và vị trí mẫu được điều chỉnh; Kích thước mẫu đầu vào: 3-13mm; Bộ phân chia mẫu: 6 xô (2 xô 1/4 và 4 xô 1/8); Công suất: Max 350 kg/h; Độ ẩm: $\leq 12\%$; Nguồn điện: 220V, 50/60Hz, 1 pha; Công suất tiêu thụ: 250W; Độ ồn: $\leq 80\text{dB}$; vật tư phụ kiện chính hãng kèm theo; Có Kỹ sư chuyên môn hướng dẫn vận hành thiết bị, giấy chứng nhận CO&CQ kèm theo.	Cái	1	Model: 5E-MRA1/8 - Hãng sản xuất: CKIC - Trung Quốc - hoặc tương đương
2	Tủ sấy phòng thí nghiệm	*Thông số kỹ thuật: Tủ sấy phòng thí nghiệm đối lưu cưỡng bức; Thể tích: ≥ 449 lít; Nhiệt độ vận hành: Lớn nhất đạt 300°C ; Độ chính xác nhiệt độ cài đặt: lên đến 99.9°C là 0.1°C , từ 100°C là 0.5°C ; Đầu dò nhiệt: 1 Pt100 sensor DIN class A in 4-wire-circuit; Dải nhiệt độ làm việc: Nhiệt độ phòng $+10^{\circ}\text{C}$ đến 300°C ; Cài đặt và hiển thị nhiệt độ thực; Cài đặt thời gian : Bộ đếm ngược có thể điều chỉnh từ 1 phút đến 99 ngày;	Cái	1	Model: UF450 - Hãng sản xuất: Memmert - Đức - hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
		Kiểm soát nhiệt: Bộ kiểm soát quá nhiệt bằng điện tử và bộ giới hạn nhiệt độ dạng cơ TB, cấp bảo vệ class 1 theo tiêu chuẩn DIN 12880 tự ngắt khi nhiệt độ vượt quá khoảng 20°C trên nhiệt độ cài đặt; Số kệ chứa cực đại: 8; Số kệ cung cấp kèm theo máy: 5 kệ làm bằng thép không gỉ; Tải trọng tối đa trên kệ: 30 kg; Nguồn điện: 400 V and 3x 230 V (không dây trung tính), 50/60 Hz; Công suất tiêu thụ: 5800W; vật tư phụ kiện chính hãng kèm theo; Có Kỹ sư chuyên môn hướng dẫn vận hành thiết bị, giấy chứng nhận CO&CQ, Giấy chứng nhận hiệu chuẩn kèm theo.			
3	Nhiệt ẩm kế điện tử	*Thông số kỹ thuật: Khoảng độ ẩm: 20%~95%; Khoảng nhiệt độ: Trong phòng: -10°C ~ 50°C/ Ngoài phòng: -10°C ~ 60°C; Giấy chứng nhận CO&CQ, Giấy chứng nhận hiệu chuẩn kèm theo.	Cái	2	Model: NJ-2099-TH - Hãng sản xuất: NAKATA - Nhật Bản - hoặc tương đương
4	Máy nghiền rung	*Thông số kỹ thuật: Máy nghiền đĩa rung, sử dụng nghiền mẫu than trong phòng thí nghiệm; Tự động nhận diện cối nghiền mã não hoặc tungsten carbide để điều chỉnh tốc độ nghiền; Lưu trữ ≥ 10 chương trình nghiền; Hệ thống nghiền được cách âm giảm ồn; Loại vật liệu nghiền : mẫu than, mẫu xỉ; Kích thước vật liệu đầu vào: < 15mm; Độ mịn cuối cùng: < 20μm;	Cái	1	Model: Vibratory Disc Mill RS 200 - Hãng sản xuất: Retsch - Đức - hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
		Dung lượng mẫu nghiền: 15ml đến 250 ml; tùy vào thể tích cối; Loại cối nghiền: 250ml, vật liệu tungsten carbide, mã: 01.462.0355; Tốc độ nghiền cài đặt: 700 đến 1500 min-1; Cài đặt thời gian nghiền bằng điện tử: 00 giờ 00 phút 01 giây đến 99 giờ 59 phút 59 giây; Động cơ không đồng bộ 3 pha có bộ biến tần; Công suất motor: 1.5 Kw; Bảo vệ theo tiêu chuẩn IP20; Số chương trình lưu trữ: ≥ 10; Nguồn điện: 230V, 50/60Hz, 1 pha; Tiêu chuẩn: CE; vật tư phụ kiện chính hãng kèm theo; Có Kỹ sư chuyên môn hướng dẫn vận hành thiết bị, giấy chứng nhận CO&CQ kèm theo.			
5	Lò nung	*Thông số kỹ thuật: Lò nung đốt tro, và chất bốc than; Nhiệt độ hoạt động tối đa: 1100°C; Thể tích: 15 lít; Thời gian đạt nhiệt độ tối đa: 80 phút; Kiểu cửa: Cửa lật lên; Gia nhiệt hai mặt bên; Tấm gia nhiệt bằng ceramic với điện trở gia nhiệt bên trong được bảo vệ khỏi khí ăn mòn và văng nước. Bộ điều khiển: Cài đặt các thông số nhiệt độ, thời gian trên màn LCD, bảo vệ quá tải, quá nhiệt; Bước điều chỉnh nhiệt độ: 1°C; Hiển thị trên menu các thông số: Bộ đếm thời gian làm việc, đếm kWh, hiển thị lịch sử báo lỗi, Đầu ra của các giá trị điều khiển; Nguồn Điện: 220V, 50/60Hz, 1 pha;	Cái	1	Model: Nabertherm LVT 15/11 - Hãng sản xuất: Nabertherm - Đức- hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
		Công suất tiêu thụ: 3.6 kW; vật tư phụ kiện chính hãng kèm theo; Có Kỹ sư chuyên môn hướng dẫn vận hành thiết bị, giấy chứng nhận CO&CQ, Giấy chứng nhận hiệu chuẩn kèm theo.			
6	Máy phân tích hàm lượng Cacbon - Lưu huỳnh trong than	*Thông số kỹ thuật: - Thiết bị đo hàm lượng Cacbon và Lưu huỳnh trong mẫu than thông qua quá trình đốt cháy trong lò gốm sau đó phát hiện bằng IR; - Lượng mẫu thường là 350 mg được đốt cháy trong luồng oxy ở nhiệt độ khoảng 1350°C và giải phóng các loại Cacbon và lưu huỳnh dưới dạng CO₂ và SO₂. Các khí giải phóng được phát hiện trong tối đa 4 cells hồng ngoại chọn lọc nguyên tố; * Dải đo C: - Dải đo theo khối lượng: 0.014 mg – 350 mg; - Dải đo theo tỷ lệ: 0.004 % – 100 % (cho 350 mg mẫu); - Độ chính xác: 0.007 mg hoặc 0.5 % (tùy theo số nào lớn hơn). *Dải đo S: - Dải đo theo khối lượng: 0.0035 mg – 110 mg; - Dải đo theo tỷ lệ: 0.001 % – 31.4 % (cho 350 mg mẫu); - Độ chính xác 0.0018 mg hoặc 0.5 % (tùy theo số nào lớn hơn). + Khối lượng mẫu phân tích thông thường: 350 mg; + Thời gian phân tích thông thường: 60 – 180 giây; + Hóa chất hấp thụ: - NaOH on carrier (Ascarite); - Magnesiumperchlorate (Anhydrone). + Khí oxy yêu cầu: Oxygen > 99.5 % (2 – 4 bar / 30 – 60 psi);	Cái	1	Model: ELEMENTRAC CS-r - Hãng Eltra - Đức - hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
		+ Kiểu lò: Lò ngang, lò gốm, thanh gia nhiệt điện trở, nhiệt độ lò 600°C – 1550°C; + Nhiệt độ môi trường làm việc: 5°C – 40°C; + Độ ẩm môi trường: < 80 %, không ngưng tụ ở 31°C; + Nguồn điện yêu cầu: 230 VAC ±10 %, 50/60 Hz; 20 A fuse; *Cung cấp bao gồm: - Máy chính; - Máy tính và phần mềm phân tích; - Bình khí oxy 99,99% và van giảm áp (Messer); - Mẫu than chuẩn C và S; - Cốc đựng mẫu phân tích; - Vật tư phụ kiện chính hãng kèm theo; - Có Kỹ sư chuyên môn hướng dẫn đào tạo vận hành thiết bị, giấy chứng nhận CO&CQ, Giấy chứng nhận hiệu chuẩn kèm theo.			
7	Khay Inox	*Thông số kỹ thuật: Khay Inox xác định ẩm toàn phần của than dùng trong phòng thí nghiệm; Kích thước (Dài x rộng x sâu): 40cm x 30cm x 5cm; Chất liệu: inox 304.	Cái	40	Việt Nam
8	Bàn gia công mẫu than	*Thông số kỹ thuật: Kích thước bàn (dài x rộng x cao): 1200mm x 800mm x 800mm; Mặt bàn: Làm bằng vật liệu thép không gỉ độ dày 10mm; Cạnh bàn được làm nhô cao lên 5cm so với mặt bàn; Tại 1 cạnh bàn, tạo một khe thoát dài 25 cm, không làm nhô cao lên mà bằng với mặt bàn. Để vệ sinh, gom mẫu đã gia công xong; Khung bàn làm bằng vật liệu thép không gỉ loại hộp 30x60x1.2mm. Chân bàn có bọc cao su lót để tránh ồn.	cái	2	Việt Nam



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
9	Con lăn nghiền than	*Thông số kỹ thuật: Hình trụ tròn và đặc ruột, có gia công gắn thêm phần tay cầm để thao tác để lăn nghiền mẫu than đến kích thước nhỏ hơn trong phòng phân tích; Vật liệu thép không gỉ; Kích thước: Dài 30 cm (chưa tính phần tay cầm), đường kính 20 cm;	cái	2	Việt Nam
10	Dụng cụ đập mẫu than	*Thông số kỹ thuật: Hình dạng: Hình tròn, tại tâm hình tròn có hàn bộ phận tay cầm dễ dàng cầm nắm, đập cục than to; Vật liệu: thép không gỉ; Kích thước: đường kính 20cm, độ dày 2cm, tay cầm dài 25cm.	cái	2	Việt Nam
11	Khay trộn mẫu	*Thông số kỹ thuật: Kiểu dáng có thiết kế quai xách 2 bên thuận tiện thao tác; Vật liệu: Inox 304, dày 1 mm; Kích thước (Dài x rộng x sâu): 100cm x 80cm x 5cm;	cái	2	Việt Nam
12	Bàn mặt đá	*Thông số kỹ thuật: Khung làm bằng vật liệu thép không gỉ loại hộp 30x60x1.2mm. Chân bàn có bọc cao su lót để tránh ồn; Mặt bàn làm bằng đá granite màu đen nguyên khối dày 20mm; Kích thước bàn (dài x rộng x cao): 1350mm x 800mm x 800mm;	cái	2	Việt Nam
13	Chén đốt bốc	*Thông số kỹ thuật: Chén đốt bốc than bằng sứ có nắp kèm theo, D 32 mm, H 42 mm; Chịu nhiệt độ cao: 1000°C; Thể tích 22 mL; Có thể viết chì lên thân chén nung; Đáp ứng TCVN 174.	cái	20	Mã: 641 321 098 000; Xuất xứ: Jipo – Séc - hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
14	Cốc ầm phân tích có nắp kèm theo	*Thông số kỹ thuật: Cốc Inox có nắp inox đáy kín, dùng phân tích ầm của than; Đường kính 50mm.	cái	20	Việt Nam
15	Chén nung tro	*Thông số kỹ thuật: Phân tích độ tro của than; Chén nung bằng sứ 20ml, D 40mm, H 32mm; Có thể viết chì lên thân chén nung; Chịu được nhiệt độ lên đến 1000°C. Dùng trong phòng thí nghiệm để nung, đốt mẫu, chống hóa chất.	cái	20	Mã: 641 321 200 401; Hãng sản xuất: Jipo – Séc - hoặc tương đương
16	Dây môi cotton C 710.4 - IKA	*Thông số kỹ thuật: Quy cách: túi 500 sợi; Sử dụng phù hợp cho bom nhiệt lượng của hãng IKA.	túi	10	Mã: C 710.4, Hãng: IKA - Đức-hoặc tương đương
17	Viên chuẩn Acid Benzoic C723 - IKA	*Thông số kỹ thuật: Quy cách: 50 viên/hộp phù hợp cho máy máy phân tích nhiệt lượng của hãng IKA.	Hộp	5	Mã: C723, Hãng: IKA - Đức-hoặc tương đương
18	Trạm nạp Oxy C248 cho máy C200 IKA	*Thông số kỹ thuật: Phạm vi cung cấp bao gồm một ống dẻo áp lực dài 2 mét để cải thiện định vị trạm.	cái	1	Mã: C248, Hãng: IKA - Đức-hoặc tương đương
19	Sàng rây 3mm	*Thông số kỹ thuật: Sàng rây đường kính D50; kích thước mắt sàng 3 mm	cái	2	Mã: S50-3, Trung Quốc-hoặc tương đương
20	Sàng rây 10mm	*Thông số kỹ thuật: Sàng rây đường kính D50; kích thước mắt sàng 10 mm	cái	2	Mã: S50-10, Trung Quốc-hoặc tương đương
21	Sàng rây 300µm	*Thông số kỹ thuật: Sàng rây đường kính 200mm; chiều cao 50mm; kích thước mắt sàng 300µm; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 3310/1 Mã đặt hàng: 60.131.000300	cái	2	Mã: 60.131.000300 hãng sản xuất Restch - Đức - hoặc tương đương
22	Sàng rây 150µm	*Thông số kỹ thuật: Sàng rây đường kính 200mm; chiều cao 50mm; kích thước mắt sàng 150µm; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 3310/1 Mã đặt hàng: 60.131.000150	cái	2	Mã: 60.131.000150 hãng sản xuất Restch - Đức - hoặc tương đương



TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất/Xuất xứ
23	Sàng rây 75µm	*Thông số kỹ thuật: Sàng rây đường kính 200mm; chiều cao 50mm; kích thước mắt sàng 75µm; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 3310/1 Mã đặt hàng: 60.131.000075	cái	2	Mã: 60.131.000075 hãng sản xuất Restch - Đức - hoặc tương đương

